

THÁI ĐỘ CỦA SINH VIÊN NĂM HAI KHOA TIẾNG TRUNG VỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC QUA NHIỆM VỤ TRONG HỌC PHẦN KHẨU NGŨ

Hoàng Thị Thảo Miên¹, Huỳnh Thị Kim Yên¹

Email: httmien@gmail.com, ORCID: 0009-0008-4605-8626

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 15/06/2026

Ngày phản biện đánh giá: 15/08/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 28/8/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1393

Tóm tắt: Trong khuôn khổ giảng dạy ngoại ngữ theo tiếp cận lấy học viên làm trọng tâm, phương pháp dạy học qua nhiệm vụ được đánh giá là một cách thức phù hợp nhằm bồi dưỡng khả năng giao tiếp, đặc biệt với môn Nói ở cấp độ trung cấp. Xuất phát từ kết quả khảo sát thực tế trên 115 sinh viên tại khoa Tiếng Trung, trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Đà Nẵng, bài nghiên cứu đã xác định mức độ chấp nhận của sinh viên, các yếu tố chi phối hiệu quả ứng dụng phương pháp này, đồng thời khắc phục hạn chế của nhiều công trình trong nước vốn chủ yếu quan tâm đến kết quả thực nghiệm mà chưa thực sự chú trọng đến quan điểm, thái độ của người học. Trên cơ sở phân tích đó, tác giả đề xuất một số biện pháp sư phạm nhằm gia tăng hiệu quả khi vận dụng phương pháp này vào giảng dạy học phần Khẩu ngữ. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn cung cấp những cơ sở khoa học giúp nhận diện các thuận lợi, trở ngại cũng như nhu cầu cải thiện năng lực hội thoại trong bối cảnh hội nhập. Từ những đóng góp đó, công trình mang đến nguồn dữ liệu phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay.

Từ khóa: dạy học qua nhiệm vụ, thái độ người học, kỹ năng nói, giải pháp sư phạm

I. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và sự phát triển mạnh mẽ của quan hệ hợp tác Việt Nam - Trung Quốc, nhu cầu học tiếng Trung tại Việt Nam đang ngày càng tăng cao và dần trở thành xu thế (Nguyễn, 2025). Đồng thời, cùng với sự phát triển của giáo học pháp ngôn ngữ thứ hai và sự trỗi dậy của các trường phái đề cao tính thực tiễn, giới học thuật ngày càng

khẳng định vai trò cốt lõi của yếu tố ứng dụng trong công tác giảng dạy (Nguyễn, 2021). Việc lựa chọn phương pháp giảng dạy ứng dụng hiệu quả đang là vấn đề đặc biệt được quan tâm trong giáo dục Hán ngữ hiện nay.

Một trong những hướng tiếp cận mang tính đột phá là phương pháp dạy học qua nhiệm vụ (Task-Based Language Teaching - TBLT), được đề xuất lần

¹ Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Đà Nẵng, Đà Nẵng, Việt Nam

đầu tiên bởi Prabhu (1987) với quan điểm học thông qua thực hành, cho rằng việc phát triển ngôn ngữ thứ hai đòi hỏi việc tạo ra các điều kiện trong đó người học phải nỗ lực để đối phó với thực hành ngôn ngữ (Prabhu, 1987). Tại Việt Nam, cùng với quá trình đổi mới phương pháp giảng dạy ngoại ngữ, TBLT càng được chú ý như một hướng tiếp cận phù hợp để nâng cao hiệu quả dạy và học, đặc biệt trong học phần Khẩu ngữ.

Tuy nhiên, thực tế triển khai TBLT trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam vẫn gặp không ít thách thức như hạn chế về cơ sở vật chất, quy mô lớp học đông, mức độ sẵn sàng của chương trình đào tạo và đặc biệt là thái độ của người học. Thái độ của người học được xem là biến số nội tại quan trọng, chi phối trực tiếp đến động cơ, sự bền bỉ và kết quả tiếp nhận tri thức (Gardner, 1985). Quan sát thực tế tại khoa Tiếng Trung, Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Đà Nẵng (ĐHNN - ĐHDN) cho thấy, TBLT đã được các giảng viên (GV) bước đầu áp dụng trong học phần Khẩu ngữ trình độ Trung cấp, song phương pháp vẫn chưa thực sự phát huy hết tiềm năng.

Tại Việt Nam, một vài công trình bước đầu đã áp dụng TBLT vào dạy học tiếng Trung. Dù vậy, các nghiên cứu này chủ yếu thiên về thực nghiệm hoặc xây dựng cơ sở lý thuyết, trong khi yếu tố quan trọng mang tính quyết định đến thành công của phương pháp - thái độ người học lại chưa được xem xét thấu đáo. Chính lỗ hổng đó khiến cho việc tiến hành một khảo sát chuyên sâu về quan điểm của sinh viên (SV) trở nên bức thiết. Nghiên cứu này đóng vai trò kết nối giữa lý luận sư phạm tiên tiến và thực tiễn đào tạo trong nước, qua đó góp phần bù đắp khoảng trống

học thuật hiện có. Những phát hiện từ đề tài sẽ cung cấp luận cứ khoa học nhằm nhận diện các mặt thuận lợi, khó khăn và nhu cầu cải tiến năng lực giao tiếp. Trên cơ sở đó, nghiên cứu mang lại nguồn dữ liệu có giá trị phục vụ quá trình đổi mới giảng dạy của khoa, nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng hội nhập của nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Các nghiên cứu ngoài nước

2.1.1. Nghiên cứu về TBLT

Prabhu (1987) là người tiên phong với quan điểm học thông qua thực hành, ông cho rằng việc phát triển ngôn ngữ thứ hai không đòi hỏi sự hệ thống hóa các đầu vào ngôn ngữ mà là tạo ra các điều kiện trong đó người học phải nỗ lực để đối phó với thực hành ngôn ngữ. Đồng thời, Willis (1996) đã xây dựng mô hình giảng dạy ba giai đoạn kinh điển: Tiền nhiệm vụ (pre-task) - Vòng nhiệm vụ (Task cycle) - Tập trung ngôn ngữ (Language focus). Ellis (2003) chỉ ra rằng các nhà nghiên cứu và giáo viên sử dụng TBLT theo hai cách phổ biến là tích hợp các nhiệm vụ vào phương pháp truyền thống, hoặc áp dụng triệt để, xem các nhiệm vụ như những đơn vị giảng dạy độc lập. Quan điểm này của Ellis (2003) tuy có mục tiêu thấp hơn đối với nhiệm vụ so với các nghiên cứu khác nhưng lại phù hợp với quan điểm “quá trình” trong việc tiếp thu ngôn ngữ.

Các nghiên cứu về TBLT trong 5 năm trở lại đây đã có sự dịch chuyển mạnh mẽ từ việc định nghĩa phương pháp sang đánh giá hiệu quả thực tế và tối ưu hóa trải nghiệm người học. Đáng chú ý là phân tích tổng hợp của Bryfonski và McKay (2019) trên hàng chục nghiên cứu

TBLT. Kết quả khẳng định rằng TBLT có tác động tích cực vượt trội đối với sự phát triển ngôn ngữ so với các phương pháp dạy học truyền thống, đặc biệt là trong việc giảm thiểu khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành.

2.1.2. Về thái độ người học

Một công trình có tính nền móng cho việc tìm hiểu thái độ của người học là Mô hình ba thành tố (ABC Model) được trình bày trong *The Psychology of Attitudes* của Eagly và Chaiken (1993). Theo mô hình này, thái độ được tạo nên từ ba yếu tố: nhận thức, tình cảm và hành vi (Eagly & Chaiken, 1993).

Ajzen (1991) chỉ ra rằng thái độ đối với một hành vi có thể tác động đến ý muốn thực hiện hành vi đó. Trong bối cảnh tiếp thu ngoại ngữ, khi người học có cái nhìn tích cực về một phương pháp dạy học, điều đó thường được coi là điều kiện đầu tiên dẫn đến sự tham gia chủ động. Trên lĩnh vực ngôn ngữ thứ hai, Gardner (1985) là một trong các nhà nghiên cứu đặt nền tảng cho hướng tiếp cận này khi ông coi thái độ và động lực là các yếu tố trung tâm của quá trình học ngoại ngữ. Sau đó, Masgoret và Gardner (2003) thông qua một tổng luận đã chứng minh rằng kết quả học tập ngôn ngữ thứ hai có mối tương quan đáng kể với nhóm biến số liên quan đến thái độ và động cơ, một lần nữa khẳng định tầm quan trọng của thái độ đối với thành tích học ngoại ngữ.

Trong dòng nghiên cứu gần gũi với phương pháp dạy TBLT, Ilin và cộng sự (2007) nhận thấy rằng cảm nhận của SV về nhiệm vụ có thể không trùng khớp với mục tiêu mà giáo viên hướng tới. Sự khác biệt trong cách hiểu này ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của các hoạt động trên lớp.

Dù đã có những công trình tìm hiểu về thái độ của người học, nhưng số lượng vẫn còn khiêm tốn; đặc biệt, chưa có nhiều nghiên cứu đào sâu mối quan hệ giữa thái độ và TBLT.

2.2. Các nghiên cứu trong nước

2.2.1. Về TBLT

Công trình công bố gần đây của Bui và Newton (2022) đã chỉ ra độ chênh giữa đề án ngoại ngữ, áp dụng TBLT và thực tế tại Việt Nam. Đồng thời, đề xuất khung chuyển đổi từ phương pháp truyền thống sang TBLT. Nghiên cứu khẳng định học sinh có thái độ rất tích cực với TBLT nếu giáo viên đóng vai trò là “người kiến tạo” thay vì “người kiểm soát”.

Nghiên cứu của Nguyễn V. T. (2019) trên 84 sinh viên với 45 tiết học đã cho thấy TBLT mang lại hiệu quả học tập cao khi ứng dụng vào học phần Nói, trong đó, ba nhân tố được kết hợp vào trong nhiệm vụ là con người, tài liệu và không gian. Nghiên cứu cũng chỉ ra một số hạn chế trong quá trình vận dụng phương pháp như “nhiệm vụ chưa phù hợp với sinh viên”, “số lượng sinh viên quá đông”, “sinh viên chưa nhiệt tình tham gia nhiệm vụ”.

Nhiều nghiên cứu thực nghiệm trong nước (Nguyễn, 2020; Trần, 2024) đã ghi nhận sự cải thiện rõ rệt về điểm số và sự quan tâm của sinh viên khi áp dụng TBLT. Các tác giả cũng nhấn mạnh cần xem xét kỹ cảm nhận của người học để tối ưu hóa phương pháp. Điểm chung của các nghiên cứu này là đều sử dụng phương pháp thực nghiệm sư phạm và ghi nhận sự cải thiện rõ rệt về điểm số của SV sau quá trình thực nghiệm.

2.2.2. Về thái độ người học

Trong bối cảnh Việt Nam, Huỳnh và Nguyễn (2023) cho thấy TBLT đã được quan tâm nghiên cứu khá nhiều, trong đó thái độ và nhận thức của người học là một hướng đáng chú ý. Một số các khảo sát khác có thể kể đến như Nguyễn, T. T. H. (2019) hay của Lưu (2018) mới chỉ dừng lại hỏi sinh viên ở mức độ hài lòng chung và hứng thú ban đầu sau khóa học. Phần lớn kết quả tổng hợp đều cho thấy người học nhìn chung có thái độ tích cực đối với TBLT. Nghiên cứu về thái độ người học đã có cơ sở lý thuyết và thực nghiệm tương đối rõ, tuy nhiên các nghiên cứu tập trung riêng vào thái độ của SV ngành tiếng Trung đối với TBLT trong học phần Nói Trung cấp vẫn còn hạn chế.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp, bắt đầu bằng nghiên cứu định tính sơ bộ và tiếp nối bằng nghiên cứu định lượng chính thức. Tất cả sinh viên và giảng viên tham gia đều được thông báo rõ về mục đích khảo sát, tự nguyện đồng thuận cung cấp thông tin và được cam kết bảo mật danh tính hoàn toàn.

Trong giai đoạn định tính, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu 3 giảng viên hiện đang phụ trách giảng dạy học phần Nói Trung cấp, có thâm niên công tác từ 2 đến 6 năm. Nội dung phỏng vấn tập trung vào thực trạng và nguyên tắc triển khai phương pháp TBLT tại Khoa, đánh giá thái độ của sinh viên, các nhân tố tác động đến hiệu quả phương pháp và đề xuất cải thiện.

Đối với giai đoạn định lượng, nghiên cứu tiến hành thu thập dữ liệu bằng bảng hỏi thông qua thang đo Likert 5 điểm dưới

hình thức điền giấy. Khảo sát được thực hiện trực tiếp tại lớp học trong thời gian từ 01/03/2026 đến 27/03/2026. Mẫu nghiên cứu được lựa chọn theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện. Nghiên cứu đã phát ra 120 phiếu, thu về và làm sạch còn $n=115$ phiếu hợp lệ, đạt tỷ lệ phản hồi 96%. Kích thước mẫu này chiếm 76% trên tổng số 150 sinh viên năm thứ hai của Khoa Tiếng Trung, Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Đà Nẵng. Về đặc điểm nhân khẩu học của mẫu, có 2% nam và 98% nữ, với trình độ năng lực tiếng Trung chủ yếu phân bố từ HSK 3 đến HSK 5.

Sau đó, sử dụng phương pháp thống kê toán học và các công cụ thống kê tự động để tổng hợp, xử lý kết quả điều tra, khảo sát. Tác giả sử dụng Microsoft Excel cho bước lọc số liệu và thống kê ban đầu, sử dụng SPSS để kiểm định độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha, đồng thời thực hiện thống kê mô tả nhằm xác định Min, Max, giá trị trung bình, độ lệch chuẩn của các biến, từ đó làm cơ sở đánh giá và rút ra kết luận cho nghiên cứu.

IV. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kết quả nghiên cứu định tính

Kết quả phỏng vấn định tính cho thấy TBLT vượt trội hơn phương pháp truyền thống trong việc phát huy tính chủ động và rèn luyện phản xạ giao tiếp thực tế cho sinh viên. Quá trình tiếp nhận phương pháp ghi nhận sự chuyển biến tích cực trong thái độ của người học: từ tâm lý e ngại ban đầu sang trạng thái tự tin, mạnh dạn tham gia khi được hướng dẫn thường xuyên. Mức độ tích cực này chịu sự chi phối bởi các yếu tố nội tại (năng lực, sự chuẩn bị, tâm lý) và

khách quan (độ khó nhiệm vụ, tính thực tiễn, sự hỗ trợ từ giảng viên). Mặc dù phương pháp này đang đối mặt với các rào cản về sĩ số đông, giới hạn thời lượng và sự chênh lệch trình độ, kết quả vẫn

khẳng định tính khả thi nếu giảng viên thiết kế nhiệm vụ bám sát thực tiễn, tăng cường bước hướng dẫn trước nhiệm vụ (pre-task) và linh hoạt điều phối môi trường lớp học.

4.2. Kết quả nghiên cứu định lượng

4.2.1. Thái độ nhận thức của sinh viên đối với phương pháp Dạy học qua nhiệm vụ trong học phần Khẩu ngữ Trung cấp

Bảng 1. Thái độ nhận thức của sinh viên

	Nội dung	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
TDNT1	Phương pháp TBLT giúp tôi hiểu cách sử dụng tiếng Trung trong các tình huống giao tiếp thực tế.	1	5	3,7652	,80927
TDNT2	Các nhiệm vụ giao tiếp giúp tôi học từ vựng và cấu trúc mới hiệu quả hơn.	2	5	4,1391	,73612
TDNT3	TBLT giúp tôi cải thiện kỹ năng nói tiếng Trung.	1	5	3,9913	,83241
TDNT4	Các hoạt động theo nhiệm vụ giúp tôi hiểu bài học rõ hơn.	2	5	3,8348	,74845
TDNT5	Phương pháp TBLT phù hợp với việc học kỹ năng nói.	2	5	3,8957	,77656

Nhóm thái độ nhận thức đạt mức trung bình cao. SV đánh giá cao vai trò của TBLT trong việc học từ vựng, cấu trúc (TDNT2) và cải thiện kỹ năng nói

(TDNT3). Nhìn chung, người học nhận thức rõ tính hữu ích của TBLT trong phát triển năng lực ngôn ngữ.

4.2.2. Thái độ tình cảm của sinh viên đối với phương pháp Dạy học qua nhiệm vụ trong học phần Khẩu ngữ Trung cấp

Bảng 2. Thái độ tình cảm của sinh viên

	Nội dung	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
TDTC1	Tôi cảm thấy hứng thú khi tham gia các nhiệm vụ giao tiếp trong lớp.	2	5	3,6696	,80927
TDTC2	TBLT khiến lớp học trở nên sinh động hơn.	2	5	3,9391	,73612
TDTC3	Tôi cảm thấy tự tin hơn khi nói tiếng Trung trong lớp học.	2	5	3,5478	,83241
TDTC4	Tôi thích các hoạt động học tập theo nhiệm vụ.	2	5	3,6261	,74845
TDTC5	Tôi cảm thấy ít căng thẳng hơn khi học bằng phương pháp này.	1	5	3,3913	,77656

Điểm trung bình các biến thấp hơn một chút so với nhóm nhận thức nhưng vẫn nằm trên mức trung bình. Biến có

trung bình cao nhất là TDTC2, cho thấy SV khá đồng tình rằng TBLT làm cho lớp học trở nên sinh động hơn. Tiếp đó

là TDTC1 và TDTC4, phản ánh mức độ hứng thú và yêu thích nhất định đối với các hoạt động theo nhiệm vụ. Đáng chú ý, TDTC5 là biến thấp nhất trong toàn bộ nhóm tình cảm, hàm ý rằng cảm nhận “ít căng thẳng hơn khi học bằng phương pháp này” chưa được SV đồng thuận ở

mức cao. Nói cách khác, TBLT có thể tạo ra sự hứng thú và sinh động cho lớp học, nhưng chưa chắc đã làm giảm áp lực cho tất cả SV, nhất là trong bối cảnh học phần Khẩu ngữ thường gắn với việc trình bày, tương tác và thực hiện nhiệm vụ trước lớp.

4.2.3. Thái độ hành vi của sinh viên đối với phương pháp TBLT trong học phần Khẩu ngữ trình độ Trung cấp

Bảng 3. Thái độ hành vi của sinh viên

	Nội dung	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
TDHV1	Tôi sẵn sàng tham gia các nhiệm vụ giao tiếp trong lớp.	4	5	4,4870	,50202
TDHV2	Tôi thường chủ động trao đổi bằng tiếng Trung khi làm nhiệm vụ.	4	5	4,3391	,47549
TDHV3	Tôi cố gắng sử dụng tiếng Trung để hoàn thành nhiệm vụ.	4	5	4,4087	,49374
TDHV4	Tôi muốn tiếp tục học bằng phương pháp TBLT trong các môn khác.	4	5	4,4348	,49790
TDHV5	Tôi chủ động chuẩn bị trước khi tham gia nhiệm vụ.	4	5	4,4261	,49667

Đối với thái độ hành vi, kết quả nổi bật hơn hẳn các nhóm còn lại. Các biến quan sát TDHV1 - TDHV5 đều có trung bình rất cao. Trong đó, TDHV1 là cao nhất, nghĩa là sinh viên thể hiện sự sẵn sàng rất cao trong việc tham gia các nhiệm vụ giao tiếp trong lớp. Các biến TDHV4, TDHV5 và TDHV3 cũng phản ánh xu hướng mạnh mẽ muốn tiếp tục học bằng TBLT. Biến

thấp nhất là TDHV2, nhưng vẫn ở mức rất cao, cho thấy người học tương đối sẵn sàng chủ động trao đổi bằng tiếng Trung khi làm nhiệm vụ. Kết quả này cho thấy, xét về mặt hành vi, TBLT không chỉ được chấp nhận ở mức nhận thức, mà còn tạo ra khuynh hướng tham gia tích cực trong quá trình học tập.

4.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả phương pháp TBLT trong học phần Khẩu ngữ Trung cấp

Bảng 4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của TBLT

	Nội dung	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
YTAH1	Thiết kế nhiệm vụ học tập ảnh hưởng đến sự tham gia của tôi.	2	5	3,8435	,87451
YTAH2	Sự hướng dẫn của giảng viên giúp tôi hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn.	1	5	4,3043	,80757

	Nội dung	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
YTAH3	Sĩ số lớp học ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ.	1	5	3,5913	,96332
YTAH4	Trình độ tiếng Trung của bản thân ảnh hưởng đến sự tham gia của tôi.	1	5	4,1739	,91057
YTAH5	Môi trường lớp học ảnh hưởng đến thái độ học tập của tôi.	1	5	4,1304	1,01326

Đối với các yếu tố ảnh hưởng, điểm trung bình dao động từ 3,5913 đến 4,3043. Biến có trung bình cao nhất là YTAH2, phản ánh SV đánh giá rất cao vai trò của sự hướng dẫn từ GV trong việc hoàn thành nhiệm vụ. Tiếp theo là YTAH4 và YTAH5 cho thấy trình độ tiếng Trung của bản thân và môi trường lớp học là những yếu tố ảnh hưởng rõ rệt đến mức độ tham gia cũng như thái độ học tập của SV. Trong khi đó, YTAH3 là thấp nhất, nghĩa là ảnh hưởng của sĩ số lớp học tuy có hiện diện nhưng không mạnh bằng các yếu tố còn lại. Kết quả này gợi ý rằng hiệu quả triển khai TBLT trong học phần Khẩu ngữ Trung cấp phụ thuộc nhiều vào chất lượng hướng dẫn của GV, mức độ phù hợp của nhiệm vụ và sự sẵn sàng ngôn ngữ của người học.

V. Sản phẩm nghiên cứu

Dựa trên cơ sở lý thuyết về TBLT của Ellis (2003) và kết quả nghiên cứu thực tiễn tại Khoa, đề xuất quy trình tổ chức TBLT trong học phần Khẩu ngữ Trung cấp như sau:

(1) Giai đoạn 1: Trước nhiệm vụ

Ở giai đoạn này, GV xác lập rõ mục tiêu của nhiệm vụ, giới thiệu bối cảnh giao tiếp, sản phẩm đầu ra và tiêu chí đánh giá. Đồng thời, cung cấp phần kiến thức cần thiết như từ vựng chủ điểm, mẫu câu, cấu trúc hội thoại, ví dụ minh họa hoặc đoạn hội thoại mẫu.

(2) Giai đoạn 2: Trong nhiệm vụ

SV tiến hành thực hiện nhiệm vụ dưới sự quan sát của GV. Trong quá trình này, giảng viên đóng vai trò điều phối, hỗ trợ khi cần thiết, gợi ý ngôn ngữ và khuyến khích SV sử dụng tiếng Trung tối đa. Nhiệm vụ được tổ chức theo nguyên tắc tăng dần mức độ khó, từ tái hiện thông tin đến xử lý tình huống, từ trao đổi ngắn đến trình bày có tương tác.

(3) Giai đoạn 3: Sau nhiệm vụ

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, GV đề SV trình bày kết quả, phản hồi lẫn nhau, nhận xét những điểm mạnh, điểm yếu. Ngoài ra, GV tổng kết lại các nội dung ngôn ngữ trọng tâm, chỉnh sửa lỗi phổ biến và khuyến khích SV tự đánh giá quá trình tham gia của bản thân.

VI. Kết luận

Số liệu thu được cho thấy nhìn chung, người học dành sự đón nhận khả quan cho cách tiếp cận này. Các bảng hỏi được sử dụng đều đạt độ tin cậy ở mức chấp nhận hoặc tốt, chứng tỏ công cụ khảo sát phản ánh trung thực quan điểm của sinh viên về TBLT.

Khác với các nghiên cứu trước đây chỉ tập trung vào điểm số, công trình này đi sâu vào thái độ người học để cung cấp luận cứ thực tiễn cho việc ứng dụng TBLT. Tác giả đề xuất giải pháp: Vận hành mô hình tổ chức giờ học TBLT gồm ba giai đoạn

(Trước, Trong và Sau nhiệm vụ). Hướng tiếp cận này cho thấy đề tài không dừng lại ở việc miêu tả hiện trạng mà còn nhắm đến khả năng ứng dụng trực tiếp vào thực tiễn giảng dạy tiếng Trung. Mô hình vận hành TBLT cho môn Khẩu ngữ Trung cấp được thiết lập đảm bảo phù hợp với đặc điểm học tập cũng như bối cảnh giáo dục tại Khoa.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, đề tài vẫn tồn tại một số giới hạn như địa bàn khảo sát khá hẹp, chưa phân tích sâu sự khác biệt về bản chất giữa các nhóm đối tượng khác nhau. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của công trình này, các kết quả đã góp phần bổ sung cơ sở thực tiễn cho việc áp dụng TBLT vào dạy tiếng Trung, đồng thời đưa ra nhiều gợi ý có giá trị dành cho giảng viên và lãnh đạo nhà trường trong việc thiết kế các nhiệm vụ phù hợp hơn với đặc điểm và nhu cầu của người học.

Nhìn chung, những phát hiện của nghiên cứu đã khẳng định rằng Dạy học qua nhiệm vụ là một hướng tiếp cận thích hợp và có tiềm năng ứng dụng đối với học phần Nói bậc trung cấp. Sự tích cực của SV dành cho phương pháp này chính là nền tảng quan trọng để tiếp tục nhân rộng, hiệu chỉnh và nâng cao chất lượng khi vận dụng TBLT trong thực tế giảng dạy tiếng Trung ở đại học.

Về hướng phát triển tiếp theo, nên mở rộng phạm vi khảo sát sang các nhóm người học khác nhằm gia tăng tính khái quát hóa của kết quả. Ngoài ra, cần đi sâu phân tích mối tương quan giữa thái độ của người học và hiệu quả thực tế của TBLT bằng các công cụ thống kê như hệ số tương quan, phân tích hồi quy hoặc đối chiếu với thành tích học tập của SV.

Những bổ sung này sẽ cung cấp một cơ sở khoa học đầy đủ hơn cho việc vận dụng phương pháp.

Tài liệu tham khảo

- Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179-211. [https://doi.org/10.1016/0749-5978\(91\)90020-T](https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T)
- Bryfonski, L., & McKay, T. H. (2019). TBLT implementation and evaluation: A meta-analysis. *Language Teaching Research*, 23(5), 603-632. <https://doi.org/10.1177/1362168817744389>
- Bui, T. L. D., & Newton, J. (2022). Developing task-based lessons from PPP lessons: A case of primary English textbooks in Vietnam. *REL C Journal*, 53(1), 203-215. <https://doi.org/10.1177/0033688220912040>
- Eagly, A. H., & Chaiken, S. (1993). *The psychology of attitudes*. Harcourt Brace Jovanovich.
- Ellis, R. (2003). *Task-based language learning and teaching*. Oxford University Press.
- Gardner, R. C. (1985). *Social psychology and second language learning: The role of attitudes and motivation*. Edward Arnold.
- Huỳnh, T. S., & Nguyễn, V. L. (2023). Task-based language teaching in Vietnam: Research trends, findings, and implications. *European Journal of English Language Teaching*, 8(2), 63-90.
- Ilin, G., Inozu, J., & Yumru, H. (2007). Teachers' and learners' perceptions of tasks: Objectives and outcomes. *Journal of Theory and Practice in Education*, 3(1), 60-68.
- Lưu, H. V. (2018). Using Chinese songs to develop listening skills and stimulate interest for students. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 15(1), 168-176.

- Masgoret, A.-M., & Gardner, R. C. (2003). Attitudes, motivation, and second language learning: A meta-analysis of studies conducted by Gardner and associates. *Language Learning*, 53(1), 167-210. <https://doi.org/10.1111/1467-9922.00227>
- Nguyễn, Q. H. (2021). Thực trạng, nguyên tắc và xu hướng biên soạn giáo trình Hán ngữ trong những năm trở lại đây. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, (81).
- Nguyễn, Q. H. (2025). Đào tạo tiếng Trung theo định hướng nghề nghiệp tại Việt Nam: Thực trạng, xu hướng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, (Số đặc biệt 4A). <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.980>
- Nguyễn, T. C. T. (2020). The impacts of task-based language teaching on EFL students' speaking performance. *Ho Chi Minh City Open University Journal of Science - Social Sciences*, 10(1), 35-46.
- Nguyễn, T. H. T. (2019). Thực trạng hứng thú học tập môn Tiếng Hán của sinh viên năm thứ nhất. *Tạp chí Giáo dục Xã hội*, (Số đặc biệt).
- Nguyễn, V. T. (2019). Vận dụng phương pháp dạy học ngôn ngữ theo nhiệm vụ vào dạy kỹ năng nói tiếng Trung. *Tạp chí Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa*, 3(3), 407-417.
- Prabhu, N. S. (1987). *Second language pedagogy*. Oxford University Press.
- Trần, T. T. P. (2024). Phương pháp dạy học ngôn ngữ theo nhiệm vụ trong giảng dạy tiếng Trung. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (307), 70-72.
- Willis, J. (1996). *A framework for task-based learning*. Longman.

ATTITUDES OF SECOND-YEAR CHINESE DEPARTMENT STUDENTS TOWARD TASK-BASED LANGUAGE TEACHING IN THE SPEAKING COURSE

Hoang Thi Thao Mien¹, Huynh Thi Kim Yen¹

Abstract: *In the context of learner-centered foreign language education, Task-Based Language Teaching (TBLT) is recognized as an effective approach to developing communicative competence, particularly within the Intermediate Speaking course. Based on a survey conducted at the Chinese Department of the University of Foreign Language Studies - The University of Danang, this study identifies learners' levels of acceptance and the factors influencing the effectiveness of implementing this method. In doing so, it addresses the limitations of previous domestic studies, which have predominantly focused on experimental teaching outcomes while overlooking learners' attitudes. Consequently, the study proposes pedagogical solutions to enhance the effectiveness of applying this method to the Speaking course. Furthermore, it provides empirical evidence to identify the facilitators, barriers, and needs for improving communicative competence in the era of global integration. These findings offer valuable data for the innovation of teaching methodologies, ultimately contributing to the enhancement of educational quality in line with contemporary trends.*

Keywords: *task-based language teaching, student attitudes, speaking skills, pedagogical solutions*

¹ University of Foreign Language Studies - The University of Danang, Danang, Vietnam